TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **351/**2019/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 17 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh **Trần Cảnh H,** sinh năm 1977;

Nơi ĐKHK: Xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội;

Nơi ở: Thôn 6, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn* Chị **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm 3, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng N.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị T, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N – chi nhánh tỉnh T.

Người nhận uỷ quyền lại: Ông Hoàng Tuấn V. – Phó trưởng phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ Ngân hàng N – chi nhánh tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Cảnh H. và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Trần Thuý A, sinh ngày 10/02/2018 cho chị Nguyễn Thị H. trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh Trần Cảnh H. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/tháng, kể từ tháng 12/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh H. có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản và vay nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận với nhau và cùng đề nghị Tòa án ghi nhận vào trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trần Cảnh H. được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm: thửa đất số 122, tờ bản đồ số 21 có diện tích là 3.085m^2 tại xóm, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Đất đã được UBND thị xã T. (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 857208, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 01399/TĐ cấp ngày 08/5/2008 mang tên Trần Cảnh H. và Nguyễn Thị H. và tài sản trên đất là nhà xây 02 tầng.

Anh Trần Cảnh H. có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 8100LAV201800791/HĐTD ký ngày 13/6/2018 với Ngân hàng, cụ thể anh H. có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ của hợp đồng tính đến ngày 09/12/2019 gốc là 890.000.000đ (*Tám trăm chín mươi triệu đồng*) và các khoản lãi phát sinh là 69.371.233đ *(Sáu mươi chín triệu ba trăm bẩy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)*.

Trường hợp anh Trần Cảnh H. không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của anh Trần Cảnh H. là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 857208, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 01399/TĐ cấp ngày 08/5/2008 mang tên Trần Cảnh H. và Nguyễn Thị H. (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018-6600/HĐTC ngày 12/6/2018).

Kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2019, anh Trần Cảnh H. còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 8100LAV201800791/HĐTD ký ngày 13/6/2018 đã ký giữa anh Trần Cảnh H., chị Nguyễn Thị H. với Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc trên.

Chị Nguyễn Thị H. tự nguyện từ chối quyền sở hữu sử dụng tài sản và không có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ cho ngân hàng.

- *Về án phí*: Anh Trần Cảnh H. tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002992 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hưng đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị H. không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T, huyện Đ, TP Hà Nội (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến